

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDC)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/04/2020 tại đường dẫn: [http://gelex.vn/financial\\_report](http://gelex.vn/financial_report)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\*Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán

**Người đại diện theo pháp luật/**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phạm Tuấn Anh**

Số: 80../GELEX-TGD  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau  
thuế trên báo cáo riêng Năm 2019 so với  
Năm 2018

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty niêm yết, hiện đang thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường HSX – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo riêng Năm 2019 so với Năm 2018 như sau:

*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Biến động Năm 2019/ Năm 2018
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.524	2.614	-3,45%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89	284,2	-68,58%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89,3	257,8	-65,36%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Năm 2019 là 89,3 tỷ đồng; giảm 168,5 tỷ đồng, tương đương mức giảm 65,36% so với Năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do chênh lệch khoản lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính năm 2019 là 1,8 tỷ đồng so với số liệu cùng kỳ năm 2018 là 167,7 tỷ đồng.

Trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Văn Tuấn**

# **Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 46

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Phó chủ tịch
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT/BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm soát từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2019/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty đã miễn nhiệm tất cả các thành viên Ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ.

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ từ ngày 25 tháng 6 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Anh Linh	Trưởng ban kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Hưng Đạo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2019 và miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2019

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc điều hành

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

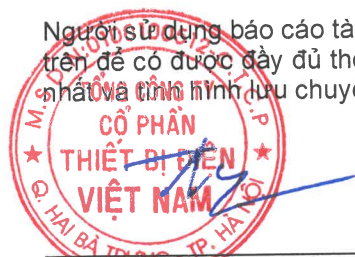
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61355749/21177173

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

---

Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

---

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.143.316.596.435</b>	<b>1.836.819.132.320</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>28.953.302.734</b>	<b>96.894.594.635</b>
111	1. Tiền		28.953.302.734	96.894.594.635
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>250.000.000.000</b>	<b>250.092.726.936</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	250.000.000.000	250.092.726.936
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>828.834.225.736</b>	<b>1.383.527.045.945</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	44.489.655.575	255.961.042.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		567.658.497	3.591.396.155
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	571.475.000.000	1.068.175.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	226.803.236.642	68.907.910.517
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(14.501.324.978)	(13.108.303.588)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>29.491.612.831</b>	<b>97.162.848.296</b>
141	1. Hàng tồn kho		29.491.612.831	97.162.848.296
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.037.455.134</b>	<b>9.141.916.508</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.749.395.614	7.502.447.184
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		204.175.896	1.629.836.374
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.083.883.624	9.632.950
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.661.421.636.864</b>	<b>6.545.676.230.569</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>700.892.957.500</b>	<b>348.000.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	700.625.000.000	348.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		267.957.500	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>64.156.010.730</b>	<b>69.096.526.067</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	64.156.010.730	69.096.526.067
222	Nguyên giá		171.163.966.291	174.026.394.645
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(107.007.955.561)	(104.929.868.578)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>232.934.455.621</b>	<b>247.105.973.960</b>
231	1. Nguyên giá		294.967.913.005	294.967.913.005
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(62.033.457.384)	(47.861.939.045)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>17.038.540.028</b>	<b>13.219.988.614</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	17.038.540.028	13.219.988.614
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>6.616.743.677.932</b>	<b>5.847.217.231.117</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.782.454.646.591	5.781.396.050.689
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		834.289.031.341	69.285.387.977
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.239.945.938
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(5.704.153.487)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>29.655.995.053</b>	<b>21.036.510.811</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	29.655.995.053	21.036.510.811
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.804.738.233.299</b>	<b>8.382.495.362.889</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.683.731.943.746</b>	<b>3.595.377.615.815</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.992.237.841.753</b>	<b>2.843.715.330.436</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	80.523.928.308	1.051.778.144.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.947.468.497	256.940.522
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	400.181.852	26.727.726.209
314	4. Phải trả người lao động		6.708.793.085	5.168.139.761
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	45.647.203.860	21.574.746.452
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	6.777.266.439	5.234.636.123
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	928.237.249.902	39.553.990.831
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	912.193.399.057	1.679.861.225.714
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	2.123.935.262	4.352.998.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.678.415.491	9.206.782.147
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.691.494.101.993</b>	<b>751.662.285.379</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	43.642.636.966	44.731.618.150
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	518.792.794.209	16.378.111.022
338	3. Vay và nợ dài hạn	21	1.122.880.158.322	682.250.108.449
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	6.178.512.496	8.302.447.758
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.121.006.289.553</b>	<b>4.787.117.747.074</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>5.119.089.920.116</b>	<b>4.785.046.410.969</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.457.000.000	547.112.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		170.192.920.116	172.334.410.969
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		80.906.410.969	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		89.286.509.147	172.334.410.969
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.916.369.437</b>	<b>2.071.336.105</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.916.369.437	2.071.336.105
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.804.738.233.299</b>	<b>8.382.495.362.889</b>



Nguyễn Thị Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.524.351.214.229	2.614.659.383.994
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(167.187.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.524.184.027.229	2.614.659.383.994
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(2.450.397.153.543)	(2.547.335.261.717)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.786.873.686	67.324.122.277
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	361.367.232.473	534.474.777.131
22	7. Chi phí tài chính	26	(269.210.044.492)	(277.044.959.108)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(213.580.255.597)	(243.192.909.689)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(3.362.466.373)	9.811.452.078
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(74.653.394.185)	(49.983.997.415)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		87.928.201.109	284.581.394.963
31	11. Thu nhập khác		1.383.824.019	4.344.335.880
32	12. Chi phí khác		(25.515.981)	(4.749.853.874)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.358.308.038	(405.517.994)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		89.286.509.147	284.175.876.969
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(26.424.900.258)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		89.286.509.147	257.750.976.711



Nguyễn Thị Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>89.286.509.147</b>	<b>284.175.876.969</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		19.828.888.654	20.100.719.417
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(8.664.130.097)	(23.155.982.432)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(719.283.725)	(2.833.369.611)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(349.425.763.445)	(528.647.928.982)
06	Chi phí lãi vay	26	213.580.255.597	243.192.909.689
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(36.113.523.869)</b>	<b>(7.167.774.950)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		153.649.637.771	(6.343.993.774)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		67.671.235.465	(80.737.328.754)
11	Tăng các khoản phải trả		461.023.756.866	812.144.697.341
12	Tăng chi phí trả trước		(5.866.432.672)	(756.779.865)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		92.726.936	32.181.995.311
14	Tiền lãi vay đã trả		(219.698.532.667)	(237.563.315.300)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.424.900.258)	(826.829.447)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.228.366.656)	(2.913.137.374)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>390.105.600.916</b>	<b>508.017.533.188</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.266.173.887)	(9.623.185.613)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.363.636.364	3.211.600.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.180.300.000.000)	(3.140.175.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.324.375.000.000	1.327.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.560.091.029.902)	(472.876.882.266)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		636.974.947.240	748.687.097.936
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		411.389.529.767	307.208.016.251
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(371.554.090.418)</b>	<b>(1.236.568.353.692)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		228.457.000.000	1.195.112.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.074.702.583.187	2.395.564.838.485
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.389.499.518.948)	(2.558.108.308.623)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(137.995.000)	(338.648.230.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động tài chính		<b>(86.477.930.761)</b>	<b>693.920.299.862</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>(67.926.420.263)</b>	<b>(34.630.520.642)</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		<b>96.894.594.635</b>	<b>131.524.793.836</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.871.638)	321.441
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<b>28.953.302.734</b>	<b>96.894.594.635</b>

Nguyễn Thị Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 69 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng Gelex”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (“Gelex Electric”) [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX]	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Logistics (“Gelex Logistics”)	100%	100%	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (“Gelex Land”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Gelex Electric:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	94,01%	94,01%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	77,01%	77,01%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	80,31%	80,31%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("Gelex Emic") [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC]	74,99%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Thibidi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Công ty Năng lượng Gelex:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	73,16%	73,16%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận")	100%	100%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận,	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng (*)	84,62%	84,62%	Tầng 3, số nhà 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
5	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị (*)	85%	85%	Tầng 3, số nhà 242 quốc Lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
6	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk (*)	80%	80%	Số 21, đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex Tây Ninh (*)	98%	98%	Số 087, đường Huỳnh Văn Lợi, khu phố 1, phường 2, thành phố Tây Ninh, Tây Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Gelex (*)	51%	51%	Tầng 23, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải (*)	88%	88%	Lô A23 KCN Sóng Thần 3, Đường Điện Biên Phủ, Phường Phú Tân, Thành phố Phú Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(\*) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Công ty con sở hữu trực tiếp bởi công ty Gelex Logistics với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Gelex Logistics:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Một số công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp bởi công ty Sotrans với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Sotrans:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	100%	100%	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
3	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
4	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
5	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
6	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	84%	84%	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
8	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị, tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;
- ▶ Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng**

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.15 Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền**

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- ▶ Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
  - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
  - Giá trị phát hành Chứng quyền tương ứng với số lượng Chứng quyền thực hiện; và
  - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa .

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm là quản lý vốn và mua bán nguyên vật liệu tập trung cho các công ty con. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hoạt động của Tổng Công ty hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	765.536.973	335.211.171
Tiền gửi ngân hàng	28.187.765.761	96.559.383.464
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>28.953.302.734</u></b>	<b><u>96.894.594.635</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Trái phiếu (i)	250.000.000.000	250.000.000.000	-	250.000.000.000	250.000.000.000	-
Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Ủy thác đầu tư	-	-	-	92.726.936	92.726.936	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>250.092.726.936</b>	<b>250.092.726.936</b>	<b>-</b>

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	150.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	10,35%	(*)
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,8%	(*)
	<b>250.000.000.000</b>			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành và các bên thứ ba.

Tổng Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	14.937.397.549	14.682.284.829
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	5.763.936.875
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	3.103.978.500	3.287.884.200
- Các khách hàng khác	6.069.482.174	5.630.463.754
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	29.552.258.026	241.278.758.032
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.489.655.575</b>	<b>255.961.042.861</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.366.324.978)	(10.213.303.588)

(\*) Một số khoản phải thu đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(2.800.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30) (**)	567.475.000.000	-	1.064.175.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>571.475.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>1.068.175.000.000</b>	<b>(2.800.000.000)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30) (**)	700.625.000.000	-	348.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>700.625.000.000</b>	<b>-</b>	<b>348.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Đây là các khoản cho các công ty con vay tín chấp với chi tiết như sau:

<i>Bên đi vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>
<b>Ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	325.600.000.000	Đáo hạn từ ngày 29 tháng 10 năm 2020 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020. Lãi trả cùng với gốc khi đáo hạn.	10%
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX	205.000.000.000	Đáo hạn ngày 30 tháng 12 năm 2020. Lãi trả cùng với gốc khi đáo hạn.	10%
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex Ninh Thuận	36.875.000.000	Đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2020. Lãi trả hàng quý	9,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>567.475.000.000</b>		
<b>Dài hạn</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex Ninh Thuận	700.625.000.000	Tối đa 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019. Lãi và gốc trả hàng quý.	9,5%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>700.625.000.000</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	100.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ (*)	64.099.163.378	-	22.470.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay, đặt cọc, lãi trái phiếu	60.068.253.843	(135.000.000)	64.101.867.195	(94.500.000)
Tạm ứng cho nhân viên	1.796.632.398	-	4.433.000.000	-
Phải thu khác	839.187.023	-	350.573.322	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>226.803.236.642</b>	<b>(135.000.000)</b>	<b>68.907.910.517</b>	<b>(94.500.000)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	46.092.109.590	-	53.062.561.640	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	180.711.127.052	(135.000.000)	15.845.348.877	(94.500.000)

(\*) Chủ yếu là các khoản ký quỹ liên quan đến hoạt động mua bán vật tư tập trung.

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)
Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	-	5.763.936.875	609.261.210
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	7.238.978.500	-	7.422.884.200	1.859.119.980
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Nghệ An	124.680.380	-	1.016.134.480	-
Các khoản khác	1.373.729.223	-	1.373.729.223	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.501.324.978</b>	<b>-</b>	<b>15.576.684.778</b>	<b>2.468.381.190</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	28.549.999.870	-	90.062.940.847	-
Hàng hóa	820.893.265	-	6.979.278.984	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	120.719.696	-	120.628.465	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.491.612.831</b>	<b>-</b>	<b>97.162.848.296</b>	<b>-</b>

(\*) Một số hàng tồn kho đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	126.204.606.588	29.988.868.828	7.154.700.909	10.678.218.320	174.026.394.645
- Tăng trong năm	-	421.531.831	-	450.289.815	871.821.646
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.734.250.000)	-	(3.734.250.000)
Số cuối năm	<u>126.204.606.588</u>	<u>30.410.400.659</u>	<u>3.420.450.909</u>	<u>11.128.508.135</u>	<u>171.163.966.291</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	38.259.479.779	21.397.719.647	-	523.292.259	60.209.399.108
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	72.200.886.442	24.608.504.650	4.650.423.948	3.470.053.538	104.929.868.578
- Khấu hao trong năm	3.105.611.532	694.802.045	570.075.156	1.441.848.250	5.812.336.983
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.734.250.000)	-	(3.734.250.000)
Số cuối năm	<u>75.306.497.974</u>	<u>25.303.306.695</u>	<u>1.486.249.104</u>	<u>4.911.901.788</u>	<u>107.007.955.561</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>54.003.720.146</u>	<u>5.380.364.178</u>	<u>2.504.276.961</u>	<u>7.208.164.782</u>	<u>69.096.526.067</u>
Số cuối năm	<u>50.898.108.614</u>	<u>5.107.093.964</u>	<u>1.934.201.805</u>	<u>6.216.606.347</u>	<u>64.156.010.730</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa. vật kiến trúc</i>	<i>Tài sản khác (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	187.610.671.430	107.357.241.575	294.967.913.005
Số cuối năm	187.610.671.430	107.357.241.575	294.967.913.005
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	14.356.881.060	33.505.057.985	47.861.939.045
Khấu hao trong năm	3.752.793.504	10.418.724.835	14.171.518.339
Số cuối năm	18.109.674.564	43.923.782.820	62.033.457.384
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	173.253.790.370	73.852.183.590	247.105.973.960
Số cuối năm	169.500.996.866	63.433.458.755	232.934.455.621

(\*) Đây là máy móc thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	12.702.914.314	4.919.124.001
Cải tạo văn phòng tòa nhà Gelex	4.302.721.169	8.300.864.613
Khác	32.904.545	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.038.540.028</b>	<b>13.219.988.614</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>5.782.454.646.591</b>	-		<b>5.781.396.050.689</b>	<b>(5.704.153.487)</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	100%	2.300.000.000.000	-	(*)	2.300.000.000.000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX	100%	2.222.264.638.660	-	(*)	2.222.264.638.660	-	(*)	
Công ty TNHH MTV GELEX Logistics	100%	1.210.190.007.931	-	(*)	1.208.600.262.029	-	(*)	
Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land	100%	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	(5.704.153.487)	(*)	
Công ty TNHH GELEX Campuchia	-	-	-	-	531.150.000	-	(*)	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>834.289.031.341</b>	-		<b>69.285.387.977</b>	-		
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT	36,35%	69.285.387.977	-	(*)	69.285.387.977	-	(*)	
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (**)	20,25%	241.621.250.000	-	175.000.000.000	-	-	-	
Tổng Công ty Viglacera – CTCP (**)(***)	5,54%	523.382.393.364	-	456.827.840.000	-	-	-	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		-	-	-	<b>2.239.945.938</b>	-	<b>2.239.945.938</b>	
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	-	-	-	-	2.239.945.938	-	2.239.945.938	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.616.743.677.932</b>	-		<b>5.852.921.384.604</b>	<b>(5.704.153.487)</b>		

(\*) Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày cuối năm theo hướng dẫn tại thông tư TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(\*\*\*) Tỷ lệ biểu quyết mà Tổng Công ty nắm giữ tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP là 24,96%, bao gồm cả tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua Công ty Gelex Electric (công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn) là 19,43%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

- Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị này không đổi.
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tiền thân là Cảng Đồng Nai, một xí nghiệp trực thuộc Sở Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 714/QĐUBT ngày 6 tháng 6 năm 1989 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Công ty Cảng Đồng Nai được cổ phần hóa theo Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2003 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 4 tháng 1 năm 2006. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 14 tháng 8 năm 2019. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là kinh doanh dịch vụ cảng biển.
- Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau đó, Tổng Công ty Viglacera được cổ phần hóa theo Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 2 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 7 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Tổng Công ty Viglacera cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 6 tháng 2 năm 2018. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty Viglacera là sản xuất sản phẩm kính, sứ vệ sinh, kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành khu công nghiệp và xây lắp.

Tổng Công ty Viglacera đã thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính theo báo cáo quyết toán vốn Nhà nước trình Bộ Xây dựng và điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước ban hành tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần ngày 28 tháng 2 năm 2019. Tại thời điểm hiện tại, Tổng Công ty Viglacera đang tiếp tục hoàn thiện thủ tục để trình Bộ Xây dựng xem xét phê duyệt quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	11.142.164.848	11.675.788.012
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	10.314.725.781	961.037.281
Chi phí thuê đất trả trước (*)	6.801.405.852	6.998.340.816
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.117.370.939	398.945.989
Chi phí trả trước dài hạn khác	280.327.633	1.002.398.713
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.655.995.053</u></b>	<b><u>21.036.510.811</u></b>

(\*) Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền và chi phí thuê đất trả trước và là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được Công ty Cổ phần Thiết bị Điện EMIC, công ty con của Tổng Công ty thuê lại.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	72.822.576.676	72.822.576.676	1.051.300.744.677	1.051.300.744.677
SOFIA MED	15.858.281.029	15.858.281.029	30.755.083.475	30.755.083.475
LS-Nikko				
Copper Inc.	-	-	936.161.405.673	936.161.405.673
Phải trả đối tượng khác	56.964.295.647	56.964.295.647	84.384.255.529	84.384.255.529
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	7.701.351.632	7.701.351.632	477.400.000	477.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>80.523.928.308</u></b>	<b><u>80.523.928.308</u></b>	<b><u>1.051.778.144.677</u></b>	<b><u>1.051.778.144.677</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	216.418.299.602	(216.418.299.602)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.424.900.258	-	(26.424.900.258)	-
Thuế thu nhập cá nhân	302.825.951	4.996.284.855	(4.913.600.533)	385.510.273
Thuế nhà đất	-	8.302.729.045	(8.302.729.045)	-
Các loại thuế khác	-	12.858.307.645	(12.843.636.066)	14.671.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.727.726.209</u></b>	<b><u>242.575.621.147</u></b>	<b><u>(268.903.165.504)</u></b>	<b><u>400.181.852</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát hành trái phiếu	26.084.126.055	-
Chi phí lãi vay	11.211.501.998	17.329.779.068
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	6.595.064.295	2.787.733.967
Chi phí phải trả khác	1.756.511.512	1.457.233.417
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.647.203.860</b>	<b>21.574.746.452</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng và khách sạn	6.777.266.439	5.234.636.123
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.777.266.439</b>	<b>5.234.636.123</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng và khách sạn	43.642.636.966	44.731.618.150
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.642.636.966</b>	<b>44.731.618.150</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng (i)	852.314.359.852	-
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng quyền đặt mua	-	18.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.016.174.714	986.502.350
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	54.906.715.336	567.488.481
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>928.237.249.902</b>	<b>39.553.990.831</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược các bên liên quan (Thuyết minh số 30) (ii)	500.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược các bên khác	18.792.794.209	16.378.111.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>518.792.794.209</b>	<b>16.378.111.022</b>

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng. Các thư tín dụng này bằng USD và có lãi suất từ 3,23%/năm đến 4,06%/năm, thư tín dụng cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2020.

(ii) Đây là khoản ký quỹ mua vật tư với Công ty Gelex Electric, một công ty con của Tổng Công ty, với lãi suất 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY**

*Đơn vị tính: VND*

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	21.1	599.861.225.714	599.861.225.714	1.410.913.153.567	(1.831.674.373.705)	179.100.005.576	179.100.005.576
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	21.2	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000	696.093.393.481	(1.080.000.000.000)	696.093.393.481	696.093.393.481
Vay tổ chức		-	-	477.825.145.243	(477.825.145.243)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 30)		-	-	37.000.000.000	-	37.000.000.000	37.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.679.861.225.714</b>	<b>1.679.861.225.714</b>	<b>2.621.831.692.291</b>	<b>(3.389.499.518.948)</b>	<b>912.193.399.057</b>	<b>912.193.399.057</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Trái phiếu phát hành	21.2	682.250.108.449	682.250.108.449	1.136.723.443.354	(696.093.393.481)	1.122.880.158.322	1.122.880.158.322
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>682.250.108.449</b>	<b>682.250.108.449</b>	<b>1.136.723.443.354</b>	<b>(696.093.393.481)</b>	<b>1.122.880.158.322</b>	<b>1.122.880.158.322</b>

**21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	125.999.946.637	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 5 năm 2020	6,6% - 7,9%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	53.100.058.939	Kỳ hạn vay từ 3 đến 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 5 năm 2020	7,8% - 8%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.100.005.576</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY (tiếp theo)**

**21.2 Trái phiếu phát hành**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn
<b>Dài hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá – tháng 12 năm 2019 (*)	1.150.000.000.000	6,95%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2029	-		
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá – tháng 5 năm 2018 (**)	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 5 năm 2020	400.000.000.000	6,5% – 9,5%	Đáo hạn vào tháng 5 năm 2020
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá – tháng 4 năm 2018 (***)	300.000.000.000	9,5%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020	300.000.000.000	9,5%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá - tháng 12 năm 2016	-			1.080.000.000.000	9,3% – 9,7%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu	(31.026.448.197)			(17.749.891.551)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.818.973.551.803</b>			<b>1.762.250.108.449</b>		
<i>Trong đó:</i>						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	696.093.393.481			1.080.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	1.122.880.158.322			682.250.108.449		

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã phát hành 1.150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 6,95%/năm, ngày đáo hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2029 và được bảo lãnh thanh toán bởi Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), một quỹ đầu tư và bảo lãnh tín dụng của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Chi tiết các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 310 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 310 tỷ VND.
- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 300 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND.
- (iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm AIA Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 170 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 170 tỷ VND.
- (iv) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Dai-ichi Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 150 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 150 tỷ VND.
- (v) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Generali Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.4 Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

- (vi) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 90 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 90 tỷ VND.
- (vii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam ký ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 30 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 30 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm 18.000.000 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi) và 18.200.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cadivi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn và quyền thụ hưởng phải thu về cho vay Công ty Gelex Ninh Thuận (công ty con của Tập đoàn) thuộc sở hữu của Tổng Công ty theo hợp đồng số 31.12/2019/GELEX-GELEXNINHTHUAN/HĐCV ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 005/2018/GELEX-SHBVN giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.
- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 004/2018/GELEX-HANABANK giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Keb Hana ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.
- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 006/2018/GELEX-SSV giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 41.670.000 cổ phiếu STG (Công ty Sotrans) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Logistics, công ty con Tổng Công ty.

(\*\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN và số 02/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ký ngày 2 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 18.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tổng Công ty.

- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐM/GELEX-DC và số 02/2018/HĐĐM/GELEX-DC giữa Tổng Công ty và Quỹ đầu tư Vietnam Debt Fund SPC ký ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND. Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 9.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.123.935.262	4.352.998.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.123.935.262</u></b>	<b><u>4.352.998.000</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	5.382.631.746	7.506.567.008
Dự phòng trợ cấp thôi việc	795.880.750	795.880.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.178.512.496</u></b>	<b><u>8.302.447.758</u></b>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm). Do Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty Gelex Electric trong năm 2016 nên Tổng Công ty không trích lập thêm dự phòng bảo hành trong năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	2.668.000.000.000	622.337.724.760	318.245.709.498	3.608.583.434.258
- Tăng vốn trong năm	720.000.000.000	547.112.000.000	-	1.267.112.000.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	677.600.000.000	(622.337.724.760)	(55.262.275.240)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	257.750.976.711	257.750.976.711
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
- Chi cổ tức	-	-	(338.800.000.000)	(338.800.000.000)
Số cuối năm	<u>4.065.600.000.000</u>	<u>547.112.000.000</u>	<u>172.334.410.969</u>	<u>4.785.046.410.969</u>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	172.334.410.969	4.785.046.410.969
- Tăng vốn trong năm (*)	180.000.000.000	66.457.000.000	-	246.457.000.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	636.840.000.000	(547.112.000.000)	(89.728.000.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	89.286.509.147	89.286.509.147
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Số cuối năm	<u>4.882.440.000.000</u>	<u>66.457.000.000</u>	<u>170.192.920.116</u>	<u>5.119.089.920.116</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

- (\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 16/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần của chứng quyền đợt 2; theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thêm 18.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 360 chứng quyền với mức giá 12.700 đồng/cổ phiếu. Theo đó, thặng dư vốn cổ phần tăng thêm với số tiền là 66,5 tỷ VND (đã trừ đi các chi phí phát hành), trong đó 48,5 tỷ VND là tiền thu từ tăng vốn và 18 tỷ VND là tiền thu khi phát hành chứng quyền từ năm trước.
- (\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 30/2019/GELEX/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã quyết định phát hành thêm 63.684.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (\*\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 11/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty đã quyết định trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban điều hành với tổng số tiền là 1,7 tỷ VND.

**23.2 Cổ tức bằng tiền**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2018	-	338.800.000.000
Cổ tức cho năm 2019	-	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	-	-

**23.3 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>488.244.000</b>	<b>4.882.440.000.000</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>488.244.000</b>	<b>4.882.440.000.000</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>488.244.000</b>	<b>4.882.440.000.000</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	4.882.440.000.000	406.560.000	4.065.600.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.524.351.214.229</b>	<b>2.614.659.383.994</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	2.418.617.577.035	2.524.673.959.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.733.637.194	89.985.424.946
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(167.187.000)</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.524.184.027.229</b>	<b>2.614.659.383.994</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	87.670.604.724	81.338.891.037
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.436.513.422.505	2.533.320.492.957

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	253.424.521.539	233.501.324.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.783.810.666	167.624.064.274
Lãi tiền gửi, cho vay, đặt cọc	92.853.794.876	127.125.253.890
Lãi kinh doanh chứng khoán	9.722.511.000	3.307.547.140
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.582.594.392	2.916.587.827
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>361.367.232.473</b>	<b>534.474.777.131</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.400.161.726.029	2.500.159.647.998
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	50.235.427.514	47.175.613.719
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.450.397.153.543</b>	<b>2.547.335.261.717</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	213.580.255.597	243.192.909.689
Phí UPAS, phí và lãi mua hàng trả chậm	36.434.120.150	19.314.832.756
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	13.843.285.032	10.770.845.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.513.480.679	7.043.580.862
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	8.626.950.000
Chi phí tài chính khác	543.056.521	194.270.059
Dự phòng thuần về giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.704.153.487)	(12.098.429.461)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>269.210.044.492</u></b>	<b><u>277.044.959.108</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.715.464.373	3.963.102.098
Chi phí bảo hành	(4.352.998.000)	(13.780.554.176)
Chi phí bán hàng khác	-	6.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.362.466.373</u></b>	<b><u>(9.811.452.078)</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	28.749.695.694	14.071.789.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.706.256.253	3.296.888.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.820.874.852	6.691.508.073
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.376.567.386	25.923.811.266
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>74.653.394.185</u></b>	<b><u>49.983.997.415</u></b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	2.401.060.048.426	2.503.105.214.476
Chi phí nhân công	36.176.371.290	21.030.303.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.828.888.654	20.100.719.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.360.692.253	25.211.574.988
Chi phí khác	24.987.013.478	18.059.994.569
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.528.413.014.101</u></b>	<b><u>2.587.507.807.054</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89.286.509.147	284.175.876.969
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Tổng Công ty	17.857.301.829	56.835.175.394
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>32.827.602.479</i>	<i>28.120.729.614</i>
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	29.862.557.305	26.723.580.975
Chi phí không được khấu trừ khác	1.119.734.692	580.177.249
Dự phòng phải thu khó đòi	278.604.278	544.600.241
Các khoản phạt	-	272.371.149
Tài sản thuế TNDN hoãn lại về lỗ tính thuế chưa ghi nhận	1.566.706.204	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	<i>(50.684.904.308)</i>	<i>(58.531.004.750)</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(50.684.904.308)	(46.700.264.800)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(11.364.491.677)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành bán hàng theo biên bản thanh tra thuế	-	(466.183.985)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	(64.288)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>26.424.900.258</b>

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2019
2019	2024 (*)	7.833.531.020	-	-	7.833.531.020
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.833.531.020</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.833.531.020</b>

(\*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.186.193.917.464	1.854.939.451.612
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	143.640.953.380	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	975.954.545	1.204.090.909
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Cho vay	1.118.000.000.000	2.193.500.000.000
		Thu hồi gốc vay	1.537.900.000.000	1.047.000.000.000
		Lãi cho vay	32.525.994.523	56.799.743.907
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Góp vốn	-	900.000.000.000
		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	561.051.868.661	598.422.413.508
		Lãi ký quỹ mua vật tư	7.711.265.673	-
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	17.273.484.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex]	Công ty con	Cho vay	1.324.800.000.000	836.675.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	1.781.475.000.000	175.000.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	1.781.475.000.000	175.000.000.000
		Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	450.623.631.059	37.255.430.888
		Lãi cho vay	31.400.465.754	27.678.041.095
		Lãi đặt cọc mua vật tư phải trả	11.241.529.510	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	49.737.025.784	14.668.621.543
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.122.675.154	-
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Logistics	Công ty con	Góp vốn	1.589.745.902	1.208.600.262.029
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC]	Công ty con	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	37.140.759.134	5.548.607.892
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Land	Công ty con	Đi vay	37.000.000.000	-
		Cho vay	-	45.000.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	5.000.000.000	40.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.182.830.472	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	8.034.399.000	900.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay	737.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera - CTCP	Công ty liên kết của Tập đoàn	Cổ tức nhận được cho giai đoạn trước đầu tư	54.827.600.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được cho giai đoạn trước đầu tư	6.250.000.000	-
Các bên liên quan khác		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	5.840.340.105	22.485.967.514

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay, vay, đặt cọc chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả khác, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Năm nay, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa	12.873.000.639	2.741.444.784
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC]	Công ty con	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.110.952.061	5.510.477.380
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Bán hàng hóa	4.005.602.556	61.383.004.025
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	-	161.640.866.008
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	562.702.770	10.002.965.835
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>29.552.258.026</u></b>	<b><u>241.278.758.032</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty TNHH MTV viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	325.600.000.000	745.500.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex]	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	205.000.000.000	313.675.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay dài hạn đến hạn thu hồi	36.875.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>567.475.000.000</u></b>	<b><u>1.064.175.000.000</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay dài hạn	700.625.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex]	Công ty con	Cho vay dài hạn	-	348.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>700.625.000.000</u></b>	<b><u>348.000.000.000</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>				
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	46.064.164.385	26.000.958.901
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex]	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	27.945.205	27.019.136.985
Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	-	42.465.754
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>46.092.109.590</b>	<b>53.062.561.640</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty TNHH MTV Gelex Land	Công ty con	Mua dịch vụ	6.305.918.963	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistisc	Công ty con	Phí vận chuyển	1.395.432.669	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty con	Phí vận chuyển	-	477.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>7.701.351.632</b>	<b>477.400.000</b>
<b><i>Phải trả khác (Thuyết minh số 20)</i></b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Gelex [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex]	Công ty con	Ký quỹ mua vật tư dài hạn	500.000.000.000	-
		Lãi ký quỹ mua vật tư	11.241.529.510	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Ký quỹ mua vật tư	40.000.000.000	-
		Lãi ký quỹ mua vật tư	821.917.807	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistisc	Công ty con	Phí vận chuyển trả hộ	2.160.418.705	-
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Land	Công ty con	Lãi vay	682.849.314	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty con	Phí vận chuyển trả hộ	-	567.488.481
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>554.906.715.336</b>	<b>567.488.481</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng thu nhập	6.665.560.444	5.837.174.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.665.560.444</b>	<b>5.837.174.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tổng Công ty cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	62.963.797.420	76.334.125.064
Trên 1 – 5 năm	133.462.225.844	134.408.068.822
Trên 5 năm	285.940.667.679	328.965.102.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>482.366.690.943</u></b>	<b><u>539.707.296.672</u></b>

***Cam kết thuê hoạt động***

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.263.059.460	1.353.217.427
Trên 1 – 5 năm	6.247.357.840	6.766.087.135
Trên 5 năm	40.733.898.875	45.700.730.119
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.244.316.175</u></b>	<b><u>53.820.034.681</u></b>

***Bảo lãnh***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam và Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai, các công ty con của Tổng Công ty với số tiền tối đa bằng số nợ gốc mà ngân hàng sẽ giải ngân cho công ty con này là 435 tỷ VND.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.



Nguyễn Thị Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

